

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ HIỆN TẠI

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 01: Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số	Tìm hiểu thủ tục	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Chuẩn bị văn bản	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		In văn bản				1.000	1	10	1.000	10.000	
1.2	Kế hoạch thử nghiệm (gồm: thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm và các thông tin khác liên quan nếu có).	Chuẩn bị văn bản	20	53.785			1	10	1.075.700	10.757.000	

1.3	Báo cáo đánh giá tác động đến người tham gia thử nghiệm, tổ chức, cá nhân có liên quan.	Chuẩn bị văn bản	10	53.785			1	10	537.850	5.378.500	
1.4	Báo cáo đánh giá về lợi ích, tính mới, giá trị mới, đổi mới sáng tạo, khả năng thương mại hóa của sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đề nghị thử nghiệm.	Chuẩn bị văn bản	10	53.785			1	10	537.850	5.378.500	
1.5	Phương án bảo đảm an toàn (về tài sản, sức khỏe, tính mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia, cộng đồng, xã hội; bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; biện pháp kiểm soát rủi ro; cơ chế giải quyết khiếu nại của người tham gia thử nghiệm có kiểm soát; phạm vi, biện pháp bồi thường thiệt hại, phương án khắc phục hậu quả theo quy định của pháp	Chuẩn bị văn bản	10	53.785			1	10	537.850	5.378.500	

	luật dân sự trong quá trình thử nghiệm và khi kết thúc thử nghiệm).										
1.6	Phương án kỹ thuật để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm (gồm: tài liệu về đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn, chất lượng; các biện pháp, giải pháp kỹ thuật liên quan; phương án bảo trì và các nội dung kỹ thuật liên quan khác nếu có).	Chuẩn bị văn bản	10	53.785			1	10	537.850	5.378.500	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử	0								
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí		0								
3.2	Lệ phí		0								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0								

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 02: Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Tìm hiểu thủ tục	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Chuẩn bị văn bản	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		In văn bản				1.000	1	10	1.000	10.000	
1.2	Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số và đề xuất phương án gia hạn thử nghiệm.	Chuẩn bị văn bản	40	53.785			1	10	2.151.400	21.514.000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử	0								

3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí		0								
3.2	Lệ phí		0								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0								
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
		Rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát	5	53.785	0	0	1	10	268.925	2.689.250	
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử									
	TỔNG								2.652.465	26.524.650	

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 03: Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị kết thúc thử nghiệm (trước thời hạn hoặc chứng nhận hoàn thành thử nghiệm) sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Tìm hiểu thủ tục	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Chuẩn bị văn bản	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		In văn bản				1.000	1	10	1.000	10.000	
1.2	Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đến thời điểm đề xuất kết thúc thử nghiệm; báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc thử nghiệm.	Chuẩn bị văn bản	40	53.785			1	10	2.151.400	21.514.000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	

		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử	0								
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí		0								
3.2	Lệ phí		0								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0								
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
		Rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát	5	53.785	0	0	1	10	268.925	2.689.250	
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử									
	TỔNG								2.652.465	26.524.650	

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 04: Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị điều chỉnh thử nghiệm (điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm hoặc tạm dừng thử nghiệm) sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Tìm hiểu thủ tục	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Chuẩn bị văn bản	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		In văn bản				1.000	1	10	1.000	10.000	
1.2	Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đến thời điểm đề xuất điều chỉnh; báo cáo giải trình lý do đề nghị điều chỉnh thử nghiệm.	Chuẩn bị văn bản	40	53.785			1	10	2.151.400	21.514.000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	

		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử	0								
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí		0								
3.2	Lệ phí		0								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0								
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
		Rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát	5	53.785	0	0	1	10	268.925	2.689.250	
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử									
	TỔNG								2.652.465	26.524.650	

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 05: Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Tìm hiểu thủ tục	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Chuẩn bị văn bản	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		In văn bản				1.000	1	10	1.000	10.000	
1.2	Kế hoạch thử nghiệm (gồm: thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm và các thông tin khác liên quan nếu có).	Chuẩn bị văn bản	20	53.785			1	10	1.075.700	10.757.000	
1.3	Báo cáo đánh giá tác động đến người tham gia thử nghiệm, tổ chức, cá nhân có liên quan.	Chuẩn bị văn bản	10	53.785			1	10	537.850	5.378.500	
1.4	Báo cáo đánh giá về lợi ích, tính mới, giá trị mới, đổi mới sáng	Chuẩn bị văn bản	10	53.785			1	10	537.850	5.378.500	

	tạo, khả năng thương mại hóa của sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đề nghị thử nghiệm.										
1.5	Phương án bảo đảm an toàn (về tài sản, sức khỏe, tính mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia, cộng đồng, xã hội; bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; biện pháp kiểm soát rủi ro; cơ chế giải quyết khiếu nại của người tham gia thử nghiệm có kiểm soát; phạm vi, biện pháp bồi thường thiệt hại, phương án khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật dân sự trong quá trình thử nghiệm và khi kết thúc thử nghiệm).	Chuẩn bị văn bản	10	53.785			1	10	537.850	5.378.500	
1.6	Phương án kỹ thuật để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số	Chuẩn bị văn bản	10	53.785			1	10	537.850	5.378.500	

	thử nghiệm (gồm: tài liệu về đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn, chất lượng; các biện pháp, giải pháp kỹ thuật liên quan; phương án bảo trì và các nội dung kỹ thuật liên quan khác nếu có).										
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử	0								
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí		0								
3.2	Lệ phí		0								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0								
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
		Rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ đề nghị	5	53.785	0	0	1	10	268.925	2.689.250	

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 06: Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Tìm hiểu thủ tục	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Chuẩn bị văn bản	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		In văn bản				1.000	1	10	1.000	10.000	
1.2	Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số và đề xuất phương án gia hạn thử nghiệm.	Chuẩn bị văn bản	40	53.785			1	10	2.151.400	21.514.000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử	0								

3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí		0								
3.2	Lệ phí		0								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0								
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
		Rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát	5	53.785	0	0	1	10	268.925	2.689.250	
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử									
	TỔNG								2.652.465	26.524.650	

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 07: Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị kết thúc thử nghiệm (trước thời hạn hoặc chứng nhận hoàn thành thử nghiệm) sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Tìm hiểu thủ tục	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Chuẩn bị văn bản	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		In văn bản				1.000	1	10	1.000	10.000	
1.2	Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đến thời điểm đề xuất kết thúc thử nghiệm; báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc thử nghiệm.	Chuẩn bị văn bản	40	53.785			1	10	2.151.400	21.514.000	

2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử	0								
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí		0								
3.2	Lệ phí		0								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0								
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
		Rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát	5	53.785	0	0	1	10	268.925	2.689.250	
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử									
	TỔNG								2.652.465	26.524.650	

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 08: Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị điều chỉnh thử nghiệm (điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm hoặc tạm dừng thử nghiệm) sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Tìm hiểu thủ tục	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Chuẩn bị văn bản	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		In văn bản				1.000	1	10	1.000	10.000	
1.2	Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đến thời điểm đề xuất điều chỉnh; báo cáo giải trình lý do đề	Chuẩn bị văn bản	40	53.785			1	10	2.151.400	21.514.000	

	ngộ điều chỉnh thử nghiệm.										
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử	0								
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí		0								
3.2	Lệ phí		0								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0								
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
		Rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát	5	53.785	0	0	1	10	268.925	2.689.250	
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử									
	TỔNG								2.652.465	26.524.650	

II. CHI PHÍ TUÂN THỦ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 01: Đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Tìm hiểu thủ tục	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Chuẩn bị văn bản	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		In văn bản				1.000	1	10	1.000	10.000	
1.2	Kế hoạch thử nghiệm (gồm: thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm và các thông tin khác liên quan nếu có).	Chuẩn bị văn bản	20	53.785			1	10	1.075.700	10.757.000	
1.3	Báo cáo đánh giá tác động đến người tham gia thử nghiệm, tổ	Chuẩn bị văn bản	10	53.785			1	10	537.850	5.378.500	

	chức, cá nhân có liên quan.										
1.4	Báo cáo đánh giá về lợi ích, tính mới, giá trị mới, đổi mới sáng tạo, khả năng thương mại hóa của sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đề nghị thử nghiệm.	Chuẩn bị văn bản	10	53.785			1	10	537.850	5.378.500	
1.5	Phương án bảo đảm an toàn (về tài sản, sức khỏe, tính mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia, cộng đồng, xã hội; bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; biện pháp kiểm soát rủi ro; cơ chế giải quyết khiếu nại của người tham gia thử nghiệm có kiểm soát; phạm vi, biện pháp bồi thường thiệt hại, phương án khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật dân sự trong quá trình thử nghiệm và khi kết thúc thử	Chuẩn bị văn bản	10	53.785			1	10	537.850	5.378.500	

[illegible]

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 02: Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

[illegible]

	phí khác										
3.1	Phí		0								
3.2	Lệ phí		0								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0								
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
		Rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát	5	53.785	0	0	1	10	268.925	2.689.250	
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử									
	TỔNG								2.652.465	26.524.650	

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 03: Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị kết thúc thử nghiệm (trước thời hạn hoặc chứng nhận hoàn thành thử nghiệm) sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Tìm hiểu thủ tục	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Chuẩn bị văn bản	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		In văn bản				1.000	1	10	1.000	10.000	
1.2	Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đến thời điểm đề xuất kết thúc thử nghiệm; báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc thử nghiệm.	Chuẩn bị văn bản	40	53.785			1	10	2.151.400	21.514.000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	

		Điện tử	0								
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí		0								
3.2	Lệ phí		0								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0								
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
		Rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát	5	53.785	0	0	1	10	268.925	2.689.250	
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử									
	TỔNG								2.652.465	26.524.650	

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 04: Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị điều chỉnh thử nghiệm (điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm hoặc tạm dừng thử nghiệm) sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.	Tìm hiểu thủ tục	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Chuẩn bị văn bản	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		In văn bản				1.000	1	10	1.000	10.000	
1.2	Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đến thời điểm đề xuất điều chỉnh; báo cáo giải trình lý do đề nghị điều chỉnh thử nghiệm.	Chuẩn bị văn bản	40	53.785			1	10	2.151.400	21.514.000	

2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử	0								
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí		0								
3.2	Lệ phí		0								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0								
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
		Rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát	5	53.785	0	0	1	10	268.925	2.689.250	
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	53.785			1	10	53.785	537.850	
		Bưu chính				8.000	1	10	8.000	80.000	
		Điện tử									
	TỔNG								2.652.465	26.524.650	

- Tổng chi phí tuân thủ của 08 TTHC trước sửa đổi: 233.711.200 đồng/năm.

- Tổng chi phí tuân thủ của 04 TTHC sau sửa đổi: 116.855.600 đồng/năm, giảm 50% so với trước khi sửa đổi